KHẢO SÁT TÍNH CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI QUẢN LÝ CÔNG TÁC SINH VIÊN Ở CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

STUDY OF NECESSITY AND FEASIBILITY OF METHODS OF INNOVATION IN MANAGING STUDENT AFFAIRS IN TRAINING CENTER OF THE STATE BANK

LÂM THỊ KIM LIÊN
Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, *lienltk@buh.edu.vn*

THÔNG TIN

Ngày nhận: 17/01/2019
Ngày nhận lại: 26/02/2019
Duyệt đăng: 11/3/2019
Mã số: TCKH-S01T03-B06-2019
ISSN: 2354 – 0788

Từ khóa:
Công tác sinh viên, biện pháp đổi mới quản lý công tác sinh viên, các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước.

Key words:
Student affairs, innovative solution for student affairs management, training organizations of the State Bank.

TÓM TẮT

Bài viết đề cập việc khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của sáu biện pháp thuộc ba giải pháp đổi mới quản lý công tác sinh viên ở các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả khảo sát cho thấy sáu biện pháp đều được cán bộ quản lý đánh giá ở mức cần thiết với điểm trung bình trên 3.4. Biện pháp cần thiết nhất được quan tâm, xem xét là biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên. Đồng thời, sáu biện pháp được đề xuất được đánh giá ở mức khả thi, trong đó biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên và biện pháp cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên được đánh giá tính khả thi cao nhất.

ABSTRACTS

The article mentions to the study of the necessity and feasibility of six solutions from three innovative solutions for managing student affairs at the training organizations of the State Bank. Results of the study show that all six solutions are evaluated by managers at the necessary level with a mean score of 3.4. The most necessary solutions was paid attention and considered are solution related to applying information technology in organizations implementing student affairs management. At the same time, the six proposed solutions are all evaluated at a feasible level, in which the application of information technology in the organization of implementing student affairs management and solutions to improve the organizational structure of The Student Affairs Department is evaluated for the highest feasibility.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, tạo hành lang pháp lý để các nhà trường thực hiện tốt công tác học sinh – sinh viên; trong giai đoạn 2014 – 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát, sửa đổi, bổ sung trình cấp trên ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản quy phạm pháp luật về công tác học sinh - sinh viên, giáo dục thể chất và y tế trường học. Ngày 05 tháng 4 năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo hệ chính quy kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, gần đây nhất là hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019 theo Quyết định số 3964/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 4 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước đã cụ thể hóa văn bản pháp quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện nhà trường, thể hiện tính công khai, minh bạch trong công tác sinh viên, đặc biệt là các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của sinh viên, bước đầu xác lập được cơ chế thực hiện công tác sinh viên trong đào tạo theo tín chỉ. Nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý công tác sinh viên theo quan điểm đổi mới toàn diện, lấy người học làm trung tâm và đào tạo theo định hướng phát triển năng lực người học, việc đề xuất các biện pháp cụ thể trong công tác này là điều cần thiết trong bối cảnh hiện tại. Việc khảo sát tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đổi mới quản lý công tác sinh viên ở các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước góp phần định hướng thực hiện công tác này hiệu quả hơn nhằm đáp ứng sự phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực cho sinh viên.

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. Mô tả tổ chức khảo sát

2.1.1. Công cụ khảo sát

Công cụ khảo sát này bao gồm bốn câu hỏi thăm dò ý kiến của cán bộ quản lý, chuyên viên phụ trách quản lý công tác sinh viên. Bốn câu hỏi này được triển khai sau một thời gian tập hợp và phân tích kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý công tác sinh viên tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước. Câu 1: Tìm hiểu thái độ của cán bộ quản lý và chuyên viên đối với các biện pháp quản lý công tác sinh viên; Câu 2: Khảo sát tính cần thiết của các biện pháp quản lý công tác sinh viên; Câu 3: Khảo sát tính khả thi của các biện pháp quản lý công tác sinh viên.

2.1.2. Cách tính điểm của công cụ khảo sát

Sau khi thu kết quả câu hỏi thăm dò ý kiến, sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để tiến hành thống kê. Cách thức như sau: Câu 1 tính tỷ lệ phần trăm đồng ý; Câu 2 và câu 3 tính điểm trung bình cho tất cả các biện pháp khảo sát. Mặt khác, tiến hành tính tỉ lệ *(%)* cho mỗi mức độ cần thiết và khả thi của từng biện pháp đã đề xuất.

Bảng 1. Cách tính điểm của công cụ khảo sát

Điểm trung bình	**Mức độ**	
	Câu 2	Câu 3
4.21 -> 5.00	Rất cần thiết	Rất khả thi
3.41 -> 4.20	Cần thiết	Khả thi
2.61 -> 3.40	Phân vân	Phân vân
1.81 -> 2.60	Không cần thiết	Không khả thi
1.00 -> 1.80	Hoàn toàn không cần thiết	Hoàn toàn không khả thi

Nghiên cứu được tiến hành trên hai cơ sở đào tạo tín chỉ của Ngân hàng Nhà nước là: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Ngân hàng.

Sáu biện pháp quản lý công tác sinh viên nằm trong ba giải pháp đổi mới quản lý công tác sinh viên ở các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: Giải pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý công tác sinh viên đối với cán bộ, giảng viên, chuyên viên (biện pháp 1 và 2); giải pháp đổi mới tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên (biện pháp 3 và 4); giải pháp Đổi mới bộ máy quản lý công tác sinh viên (biện pháp 5 và 6).

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thái độ đối với từng biện pháp quản lý công tác sinh viên tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước

Bảng 2. Thái độ đối với từng biện pháp quản lý công tác sinh viên

TT	BIỆN PHÁP	Tần số đồng ý	Tỷ lệ đồng ý *(%)*
1	Tổ chức hội thảo, tập huấn định kỳ về quản lý công tác sinh viên cho cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên	65	47.8
2	Khuyến khích, hỗ trợ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý công tác sinh viên	92	67.6
3	Đổi mới khâu tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên	97	71.3
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên	90	66.2
5	Cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization)	80	58.8
6	Hoàn thiện quy trình tuyển chọn và đánh giá năng lực quản lý và làm việc của đội ngũ cán bộ, giảng viên, chuyên viên	38	27.9

Kết quả thống kê ở bảng 2 cho thấy, trong sáu biện pháp thì ba biện pháp có tỷ lệ đồng ý trên 60%, chiếm hơn 3/4 mẫu nghiên cứu, cụ thể: Biện pháp đổi mới khâu tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên thuộc giải pháp đổi mới tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên có tỷ lệ đồng ý cao nhất là 71.3%, chiếm 7/10 mẫu nghiên cứu. Việc tổ chức quy trình công tác sinh viên cũng là một trong những cách giúp quá trình thực hiện công việc khoa học và có hiệu quả. Số liệu thống kê này cho thấy các cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên dành rất nhiều sự quan tâm đến biện pháp này. Biện pháp khuyến khích, hỗ trợ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý công tác sinh viên thuộc giải pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý công tác sinh viên đối với các cán bộ, giảng viên, chuyên viên có tỷ lệ đồng ý xếp thứ hai là 67.6%. Số liệu này cho thấy cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên có sự quan tâm khá cao đến việc thực hiện các nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý công tác sinh viên. Đây sẽ là biện pháp cung cấp bằng chứng khoa học về lý luận và thực tiễn để giải quyết vấn đề cho từng cơ sở đào tạo.

Cũng nằm trong giải pháp đổi mới tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên, biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên xếp vị trí thứ 3, thấp hơn biện pháp xếp thứ hai 1.4% với tỷ lệ đồng ý là 66.2%. Tỷ lệ này cho

thấy, đa số các cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên có sự quan tâm đối với biện pháp này. Đây là biện pháp hoàn toàn phù hợp với sự pháp triển của nhà trường cũng như sự phát triển của xã hội trong bối cảnh hiện tại. Việc ứng dụng công nghệ thông tin không những giúp ích rất nhiều trong việc quản lý hồ sơ và kết quả học tập của sinh viên mà còn giảm bớt áp lực trong quá trình làm việc của các cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên.

Kế tiếp, biện pháp Cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization) thuộc giải pháp đổi mới bộ máy quản lý công tác sinh viên có tỷ lệ đồng ý là 58.8%, xếp vị trí thứ 4. Như vậy cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên chỉ đánh giá biện pháp này ở mức "khá".

Hai biện pháp cuối cùng có tỷ lệ đồng ý dưới 50% lần lượt là: Tổ chức hội thảo, tập huấn định kỳ về quản lý công tác sinh viên cho cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên *(thuộc giải pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý công tác sinh viên đối với cán bộ, giảng viên, chuyên viên)* với 47.8% tỷ lệ đồng ý và hoàn thiện quy trình tuyển chọn, đánh giá năng lực quản lý và làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên (thuộc giải pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý công tác sinh viên đối với cán bộ, giảng viên, chuyên viên) với 27.9% tỷ lệ đồng ý.

Mặc dù tỷ lệ đồng ý với các biện pháp quản lý công tác sinh viên có chênh lệch nhưng đa số cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên đều có sự quan tâm đến các biện pháp được nêu ra. Đặc biệt được quan tâm là biện pháp Đổi mới khâu tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên.

2.2.2. Đánh giá về tính cần thiết của các biện pháp quản lý công tác sinh viên tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước

Kết quả thống kê ở bảng 3 cho thấy cả ba giải pháp với sáu biện pháp đều có điểm trung bình trên 3.4, vào mức "cần thiết" của thang đo. Trong đó, giải pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý công tác sinh viên đối với các cán bộ, giảng viên, chuyên viên có điểm trung bình cao nhất là 3.96. Giải pháp tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên đứng vị trí thứ hai với điểm trung bình là 3.95. Đứng ở vị trí thứ ba là giải pháp đổi mới bộ máy quản lý công tác sinh viên với điểm trung bình 3.88.

Trong giải pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý công tác sinh viên đối với cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên có hai biện pháp cụ thể có điểm trung bình trên 3.9, rơi vào mức "cần thiết" của thang đo. Đầu tiên, biện pháp khuyến khích, hỗ trợ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý công tác sinh viên có điểm trung bình cao nhất là 3.99, với 65.4% tỷ lệ đánh giá ở mức "cần thiết" và 16.9% tỷ lệ đánh giá ở mức "rất cần thiết". Tổng tỷ lệ này lên đến 82.3%. Như vậy, việc tiến hành các nghiên cứu nhằm cung cấp cơ sở lý luận và biện pháp khoa học nâng cao hiệu quả quản lý công tác sinh viên tại các đơn vị đang là nhu cầu cần thiết của các cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên. Để biện pháp này được thực hiện có hiệu quả, các cơ sở đào tạo cần xác định rõ mục tiêu nghiên cứu gắn liền với chất lượng đào tạo và giáo dục tại cơ sở đào tạo. Song song đó, cần tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề, báo cáo hội thảo công bố kết quả nghiên cứu cũng như tổ chức các buổi tập huấn định kỳ để cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên nhận thức được tầm quan trọng của quản lý công tác sinh viên. Đây cũng là biện pháp đứng vị trí thứ hai, có điểm trung bình là 3.93, với 61.8% tỷ lệ đánh giá ở mức "cần thiết" và 16.2% tỷ lệ đánh giá ở mức "rất cần thiết". Tổng tỷ lệ này lên đến 78%.

Bảng 3. Đánh giá về tính cần thiết của các biện pháp quản lý công tác sinh viên

TT	NỘI DUNG	Mức độ cần thiết					ĐTB
		Hoàn toàn không cần thiết	Không cần thiết	Phân vân	Cần thiết	Rất cần thiết	
1	Tổ chức hội thảo, tập huấn định kỳ về quản lý công tác sinh viên cho cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên	-	1.5	20.6	61.8	16.2	3.93
2	Khuyến khích, hỗ trợ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý công tác sinh viên	-	0.7	16.9	65.4	16.9	3.99
ĐIỂM TRUNG BÌNH							3.96
3	Đổi mới khâu tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên	-	-	36	43.4	20.6	3.85
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên	-	0.7	25.7	41.2	32.4	4.05
ĐIỂM TRUNG BÌNH							3.95
5	Cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization)	-	0.7	19.1	66.2	14.0	3.93
6	Hoàn thiện quy trình tuyển chọn và phát triển kỹ năng cho đội ngũ tham gia quản lý công tác sinh viên	-	0.7	29.4	56.6	13.2	3.82
ĐIỂM TRUNG BÌNH							3.88

Trong giải pháp tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên có hai biện pháp cụ thể đều có điểm trung bình trên 3.4, ở mức "cần thiết" của thang đo. Đầu tiên, biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên có điểm trung bình 4.05 với 41.2% tỷ lệ đánh giá ở mức "cần thiết" và 32.4% tỷ lệ đánh giá ở mức "rất cần

thiết". Tổng tỷ lệ này lên đến 73.6%. Đây cũng là biện pháp có tỷ lệ chọn ở mức "rất cần thiết" cao nhất trong sáu biện pháp được đưa ra. Điều đó cho thấy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên được đánh giá là cần thiết nhất. Tuy nhiên, đánh giá ở mức độ nhận thức, nội dung này chỉ đứng ở vị trí thứ ba trong bảng 2. Đây là biện pháp cần thiết nhưng chưa được nhìn nhận đúng đắn về vai trò trong quản lý công tác sinh viên. Bên cạnh đó, biện pháp đổi mới khâu tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên có điểm trung bình là 3.85 với 43.4% tỷ lệ đánh giá ở mức "cần thiết" và 20.6% tỷ lệ đánh giá ở mức "rất cần thiết", tổng tỷ lệ này là 64%.

Cuối cùng, trong giải pháp đổi mới bộ máy quản lý công tác sinh viên, hai biện pháp đều có điểm trung bình trên 3.8, rơi vào mức "cần thiết" của thang đo. Biện pháp cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization) có điểm trung binh cao nhất là 3.93 với 66.2% tỷ lệ chọn "cần thiết" và 14% tỷ lệ chọn "rất cần thiết", tổng tỷ lệ này lên đến 80.2%. Đây là biện pháp có vai trò quan trọng trong quản lý công tác sinh viên, không những giúp giải quyết được các khó khăn của phương thức cũ như khắc phục tình trạng quản lý quan liêu, giấy tờ phức tạp, rườm rà, sự phân hóa nhiệm vụ trong quá trình làm việc mà còn phát huy tính năng động, sáng tạo và tinh thần làm việc của cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên; đồng thời, tạo điều điện thay đổi cách thức giao tiếp, quản lý sinh viên từ lối hành xử áp đặt sang hình thức phục vụ, xem sinh viên là khách hàng. Xếp vị trí thứ hai là biện pháp Hoàn thiện quy trình tuyển chọn và phát triển kỹ năng cho đội ngũ tham gia quản lý công tác sinh viên, điểm trung bình là 3.82 với 56.6% tỷ lệ chọn "cần thiết" và 13.2% tỷ lệ chọn "rất cần thiết", tổng tỷ lệ này là 69.8%.

Tóm lại, sáu biện pháp thuộc ba giải pháp quản lý công tác sinh viên đều được cán bộ quản lý đánh giá ở mức "cần thiết" với điểm trung bình trên 3.4. Trong đó, ba biện pháp cần được quan tâm xem xét nhất gồm: Biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên; biện pháp Cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization) và biện pháp Khuyến khích, hỗ trợ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý công tác sinh viên.

2.2.3. Đánh giá về tính khả thi của các biện pháp quản lý công tác sinh viên tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước

Dựa vào kết quả thống kê ở bảng 4, có thể thấy ba giải pháp quản lý công tác sinh viên với sáu biện pháp cụ thể đều có điểm trung bình trên 3.8, rơi vào mức "cần thiết" của thang đo. Kết quả này hoàn toàn tương đồng với kết quả khảo sát về mặt thái độ của cán bộ quản lý, giảng viên chuyên viên ở bảng 2 và mức độ cần thiết của các biện pháp ở bảng 3. Cụ thể, giải pháp Tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên có điểm trung bình cao nhất là 3.98. Xếp vị trí thứ hai là giải pháp Đổi mới bộ máy quản lý công tác sinh viên với điểm trung bình 3.97 và cuối cùng là giải pháp Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên với điểm trung bình 3.94. Thứ tự xếp hạng về tính khả thi có sự khác biệt so với thứ tự xếp hạng về mức độ cần thiết ở bảng 3.

Bảng 4. Đánh giá về tính khả thi của các biện pháp quản lý công tác sinh viên

TT	NỘI DUNG	Mức độ khả thi					ĐTB
		Hoàn toàn không khả thi	Không khả thi	Phân vân	Khả thi	Rất khả thi	
1	Tổ chức hội thảo, tập huấn định kỳ về quản lý công tác sinh viên cho cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên	0.7	4.4	9.6	59.6	25.7	4.05
2	Khuyến khích, hỗ trợ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý công tác sinh viên	2.9	1.5	19.1	62.5	14.0	3.83
ĐIỂM TRUNG BÌNH							3.94
3	Đổi mới khâu tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên	-	0.7	33.1	50.7	15.4	3.80
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên	-	-	17.6	50	32.4	4.15
ĐIỂM TRUNG BÌNH							3.98
5	Cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization)	-	-	20.6	58.1	21.3	4.00
6	Hoàn thiện quy trình tuyển chọn và phát triển kỹ năng cho đội ngũ tham gia các quản lý công tác sinh viên	-	2.9	25.7	46.3	25.0	3.93
ĐIỂM TRUNG BÌNH							3.97

Trong giải pháp Tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên có hai biện pháp cụ thể có điểm trung bình trên 3.7, vào mức "khả thi" của thang đo. Biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên có điểm trung bình cao nhất 4.15 với 50% tỷ lệ chọn "khả thi" và 32.4% tỷ lệ chọn "rất khả thi", tổng tỷ lệ này là 82.4%. Đây cũng là biện pháp có điểm trung bình cao nhất theo đánh giá mức độ cần thiết ở bảng 3. Số liệu này minh chứng rằng biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác sinh viên hoàn toàn cần thiết và có khả năng thực thi cao. Kế tiếp, xếp ở vị trí thứ hai là biện pháp

Đổi mới khâu tổ chức thực hiện quy trình công tác sinh viên có điểm trung bình 3.8 với 50.7% tỷ lệ chọn "khả thi" và 15.4% tỷ lệ chọn "rất khả thi", tổng tỷ lệ này là 66.1%.

Tương tự, giải pháp Đổi mới tổ chức bộ máy quản lý công tác sinh viên có hai biện pháp cụ thể đều có điểm trung bình trên 3.8, vào mức "khả thi" của thang đo. Đầu tiên, biện pháp Cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization) có điểm trung bình là 4.0 với 58.1% tỷ lệ chọn "cần thiết" và 21.3% tỷ lệ chọn "rất cần thiết", tổng tỷ lệ này là 79.4%. Đây cũng là biện pháp được đánh giá mức độ "cần thiết" cao nhất trong giải pháp Đổi mới tổ chức bộ máy quản lý công tác sinh viên. Điều này cho thấy cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên dành sự quan tâm và có mong muốn đổi mới bộ máy quản lý công tác sinh viên bằng phương pháp này. Kế tiếp, biện pháp Hoàn thiện quy trình tuyển chọn và phát triển kỹ năng cho đội ngũ tham gia các quản lý công tác sinh viên xếp vị trí thứ hai, có điểm trung bình là 3.93 với 46.3% tỷ lệ chọn "khả thi" và 25% tỷ lệ chọn "rất khả thi", tổng tỷ lệ này là 71.3%.

Cuối cùng, giải pháp Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên có hai biện pháp cụ thể có điểm trung bình trên 3.8. Biện pháp Tổ chức hội thảo, tập huấn định kỳ về quản lý công tác sinh viên cho cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên có điểm trung bình 4.05 với 59.6% tỷ lệ chọn "khả thi" và 25.7% tỷ lệ chọn "rất khả thi", tổng tỷ lệ này là 85.3%. Xếp vị trí thứ hai là biện pháp Khuyến khích, hỗ trợ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý công tác sinh viên có điểm trung bình là 3.83 với 62.5% tỷ lệ chọn "khả thi" và và 14% tỷ lệ chọn "rất khả thi", tổng tỷ lệ này là 76.5%. Đây là biện pháp được đánh giá mức độ "cần thiết" cao nhất nhưng đánh giá ở mức độ khả thi ở biện pháp này lại có tỷ lệ chọn thấp hơn. Như vậy, đa số cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên đều cho rằng giải pháp Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên nói chung và biện pháp Khuyến khích, hỗ trợ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nói riêng là cần thiết nhưng khó thực thi. Để thực hiện được giải pháp này một cách hiệu quả cần có sự nỗ lực của cả phía lãnh đạo và cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên.

Tóm lại, ba giải pháp với sáu biện pháp quản lý công tác sinh viên được đề xuất đều được đánh giá ở mức "khả thi" và có sự khác biệt trong đánh giá mức độ khả thi và mức độ cần thiết trong giải pháp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác quản lý sinh viên. Trong sáu biện pháp được đề ra, biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên và biện pháp cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization) được đánh giá tính khả thi cao nhất.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy cả sáu biện pháp quản lý công tác sinh viên đều được cán bộ quản lý đánh giá ở mức "cần thiết" với điểm trung bình trên 3.4. Trong sáu biện pháp cụ thể thì có ba biện pháp cần được quan tâm, xem xét nhất là: Biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên; biện pháp Cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization) và biện pháp Khuyến khích, hỗ trợ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến quản lý công tác sinh viên. Đồng thời, sáu biện pháp

được đề xuất đều được đánh giá ở mức khả thi, trong đó biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện quản lý công tác sinh viên và biện pháp Cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Phòng công tác sinh viên từ mô hình tổ chức cỗ máy (Mechanistic Organization) sang mô hình cơ thể sống linh hoạt, mềm dẻo (Organic Organization) được đánh giá tính khả thi cao nhất.

Các biện pháp nhằm hướng tới việc phát huy sự chủ động, sáng tạo, thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả để thực hiện công tác sinh viên đáp ứng việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Với quan điểm "người học là trung tâm", các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban, bộ môn, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên để tư vấn và hỗ trợ sinh viên kịp thời. công tác sinh viên tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước luôn hướng tới việc giáo dục và rèn luyện con người toàn diện; đồng thời, hỗ trợ thiết thực, giúp sinh viên hoàn thiện nhân cách và kỹ năng sống, góp phần đào tạo nguồn lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của ngành Ngân hàng nói riêng và xã hội nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học chính quy;* ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Hội nghị Sơ kết thực hiện quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.
3. Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Giải pháp đổi mới việc thực hiện quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý*, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh*; ban hành kèm theo Quyết định số 1268/QĐ-ĐHNH.
6. Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, *Cẩm nang sinh viên các năm học từ 2016 – 2017 đến 2018 – 2019.*
7. Học viện Ngân hàng, *Sổ tay (Cẩm nang) sinh viên các năm học từ 2016 – 2017 đến 2018 – 2019.*
8. The Deputy Vice-Chancellor (2010), *Student Experience Strategy 2010 - 2014*, Victoria University of Wellington, New Zealand.